

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HN
TỈNH BÐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2020/DS-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN TỈNH BÐ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Tó
2. Ông Nguyễn Hữu Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN tỉnh BÐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tỉnh BÐ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã HN tỉnh BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1968(CM)

Địa chỉ: Khu phố HT 1, phường HX, thị xã HN, tỉnh BÐ

2. Bị đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1982(CM)

Địa chỉ: Khu phố A L 2, phường HT, thị xã HN, tỉnh BÐ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn bà H, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ngày 19/01/2018 âm lịch bà B mượn của bà H số tiền 20.000.000 đồng, ngày 24/01/2018 âm lịch mượn 10.000.000 đồng, ngày 11/02/2018 âm lịch mượn 20.000.000 đồng, ngày 29/02/2018 âm lịch mượn 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 60.000.000 đồng. Các lần mượn bà B đều viết giấy, ký tên và hẹn thời gian trả nhưng không trả cho tôi. Ngày 04/3/2018 âm lịch, bà B mượn thêm 02

chỉ vàng 9999 nhưng không viết giấy và cũng chưa trả cho bà. Bà H đã đòi nhiều lần nhưng bà B không trả. Nay bà H yêu cầu bà B trả cho bà số tiền 60.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999, bà H không còn có yêu cầu gì khác.

- Theo bản tự khai, lời trình bày của bị đơn chị B, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Chị thừa nhận có mượn tiền của bà H, các giấy nợ như bà B cung cấp do chị B viết và ký tên là đúng. Nhưng chị B cho rằng đã trả dần cho bà H, hiện nay chỉ còn nợ số tiền 40.000.000 đồng. Riêng 02 chỉ vàng 9999 như bà H trình bày là không đúng sự thật. Nay chị B chỉ chấp nhận còn nợ bà H số tiền 40.000.000 đồng và xin trả dần 500.000 đồng một tháng cho đến khi hết nợ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tỉnh B Đ: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm vì để vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc chị B trả cho bà H số tiền 60.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bồi sung của bà H đòi bà B 02 chỉ vàng vì không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị B thừa nhận có nhiều lần vay tiền của bà H cụ thể: Ngày 19/01/2018 âm lịch bà B mượn của bà H số tiền 20.000.000 đồng, ngày 24/01/2018 âm lịch mượn 10.000.000 đồng, ngày 11/02/2018 âm lịch mượn 20.000.000 đồng, ngày 29/02/2018 âm lịch mượn 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 60.000.000 đồng. Tất cả các lần mượn tiền bà B đều viết giấy nợ cho bà H để làm bằng chứng. Điều này thể hiện rằng giao dịch vay mượn tiền giữa bà H và bà B là thực tế có diễn ra, thời gian mượn và số lượng tài sản hai bên giao dịch là thống nhất. Do vậy, có thể khẳng định bà B hiện nay còn nợ của bà H số tiền 60.000.000 đồng là có căn cứ. Bà B cho rằng đã trả nợ như không có tài liệu thể hiện việc này nên không được chấp nhận.

Ngoài ra bà H cho rằng bà B còn mượn của bà H 02 chỉ vàng 9999, việc mượn vàng này hai bên không viết giấy nợ. Tuy nhiên, tại phiên Tòa hôm nay, bà B không thừa nhận việc này. Đồng thời không có hợp đồng vay mượn vàng nào được xác lập giữa hai bên. Do vậy, không có căn cứ thể hiện việc chị B có mượn vàng của bà H.

[2] Hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà B là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi, bà H cũng không có yêu cầu tính lãi suất. Từ những nhận

định trên, HĐXX có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê thị H. Buộc bà Trần Thị B phải trả cho bà H số tiền 60.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu lãi suất.

Không chấp nhận yêu cầu của bà H buộc bà B phải trả lại 02 chỉ vàng 9999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu của bà H được chấp nhận một phần nên bà B phải nộp theo quy định của pháp luật. Bà H phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận là 02 chỉ vàng 24k, tại thời điểm xét xử, giá vàng được tính là 5.200.000 đồng/chỉ x 2 = 10.400.000 đồng x 5% = 520.000 đồng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, đúng theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466, của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H. Buộc bà Trần Thị B trả cho bà Lê Thị H số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng)

Không chấp nhận yêu cầu của bà H đòi bà B trả và 02 chỉ vàng 9999 vì không có căn cứ.

Bà H không yêu cầu lãi suất.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B phải nộp 3.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Bà H phải nộp 520.000 đồng. Được khấu trừ cho số tiền 1.800.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005563 ngày 20/12/2019 và biên lai thu số 0009813 ngày 03/6/2000 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN tỉnh BĐ. Bà H được nhận lại 1.280.000 đồng.

3/ Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Vương